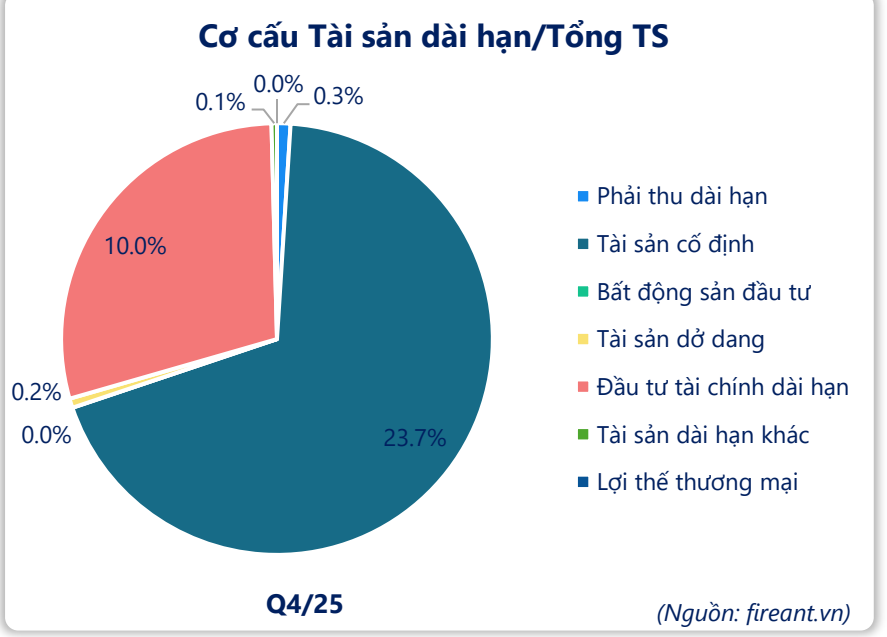
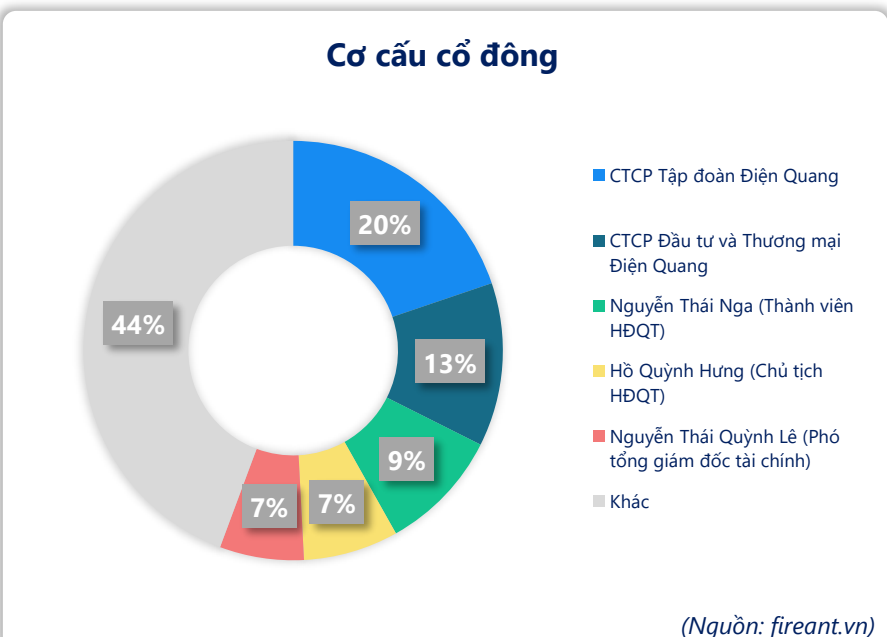
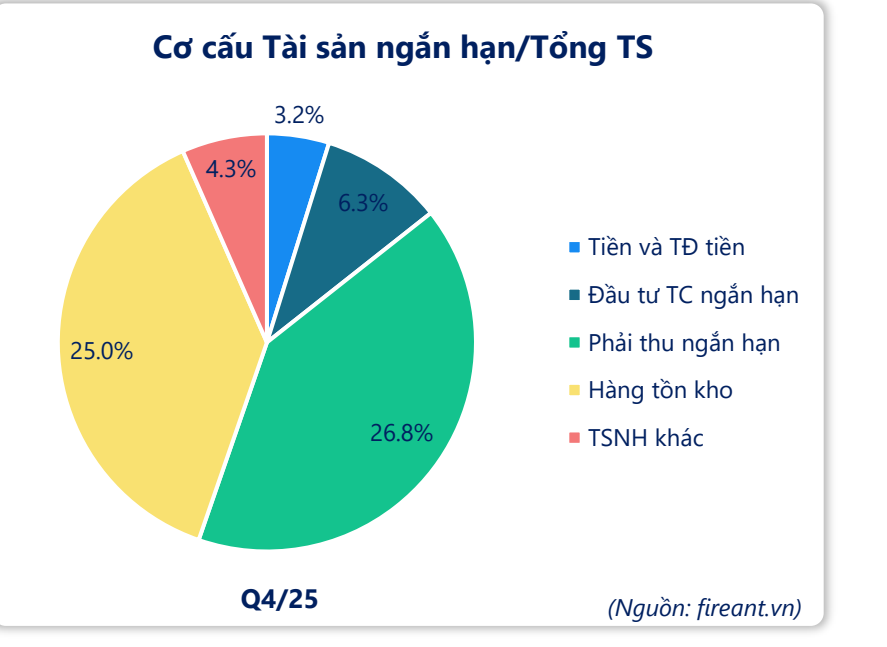
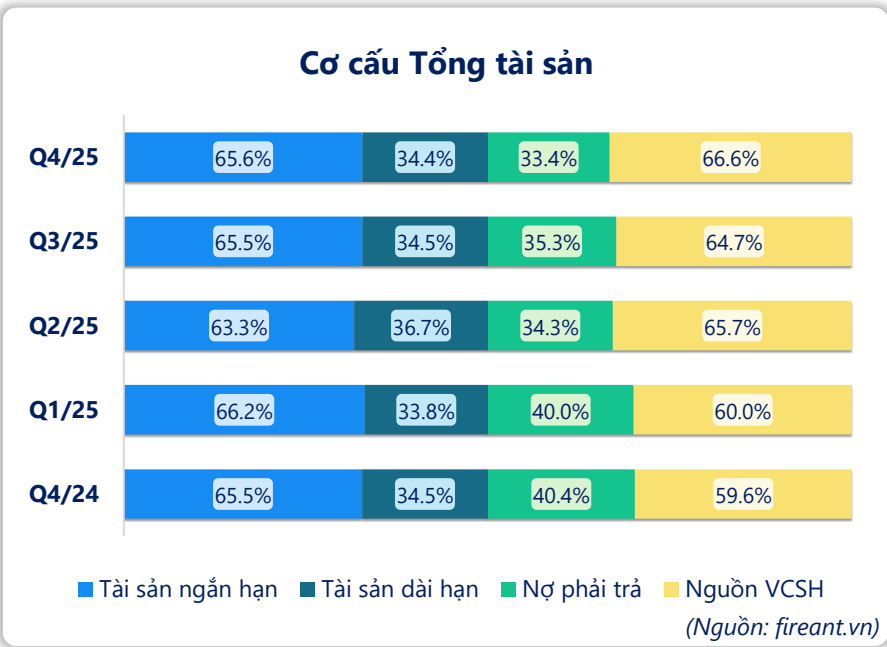
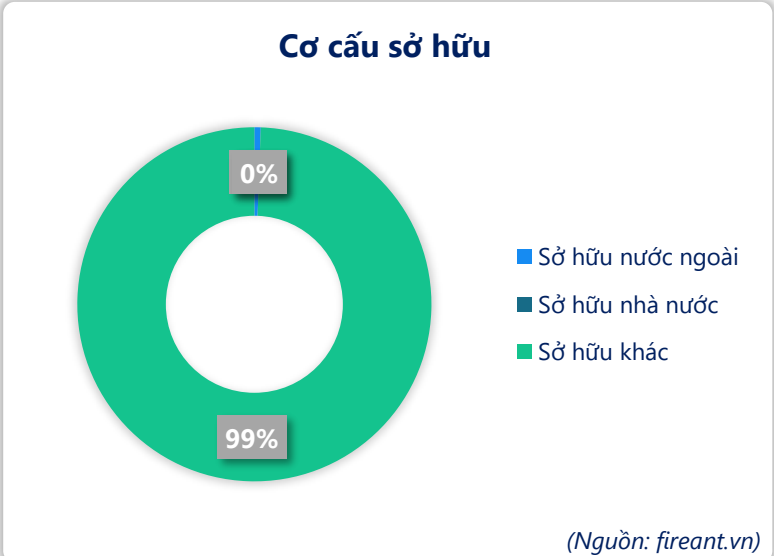
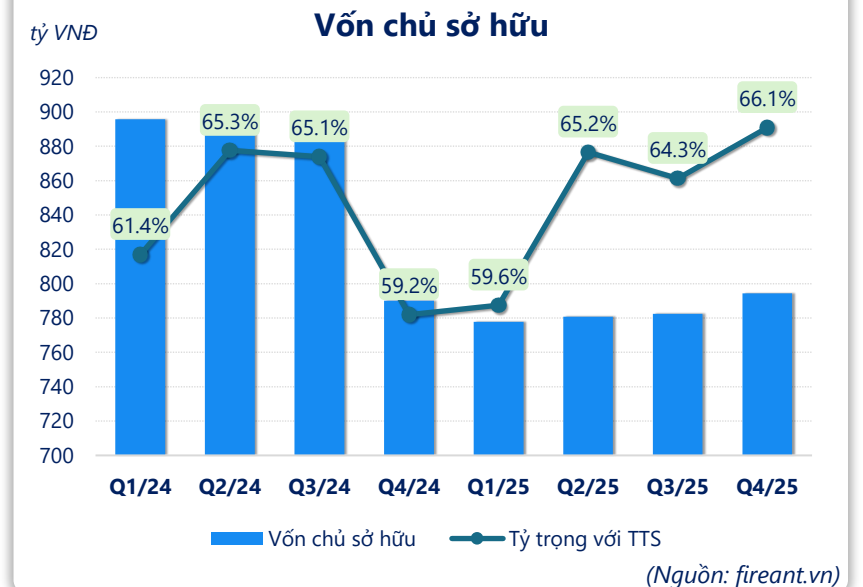
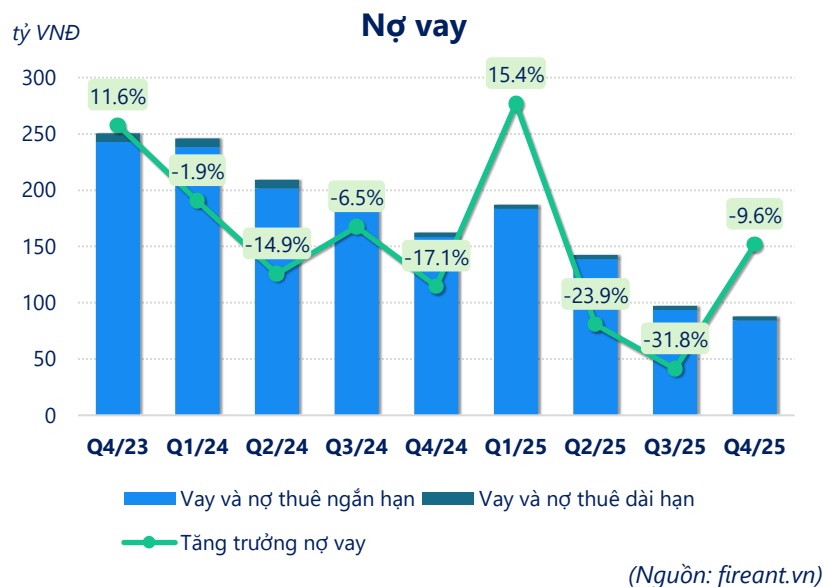
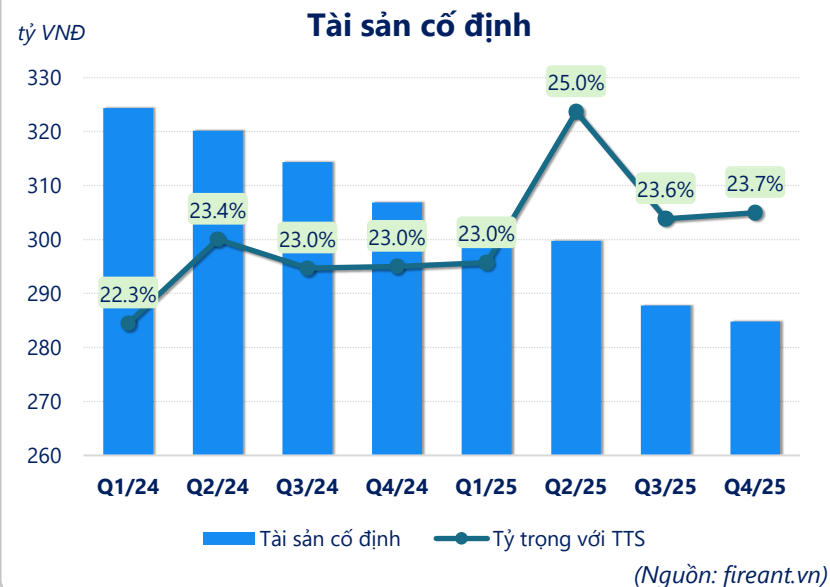
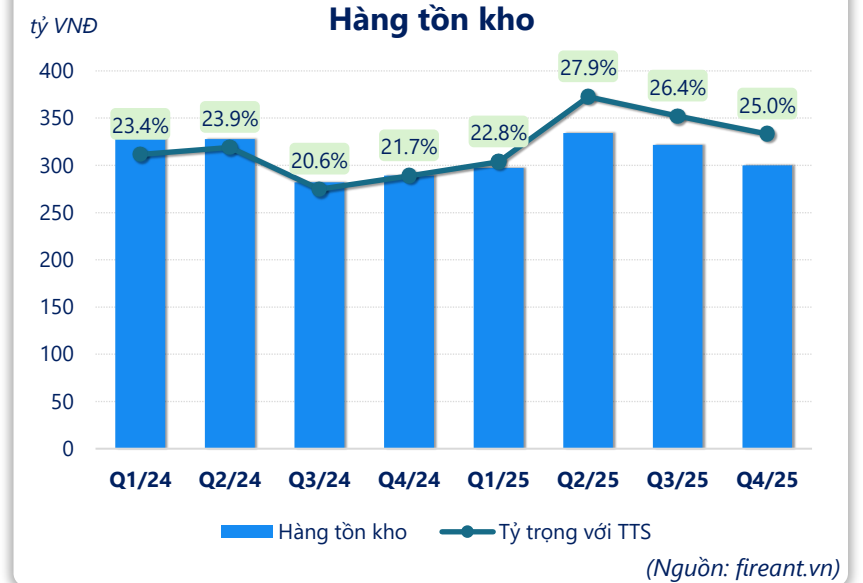
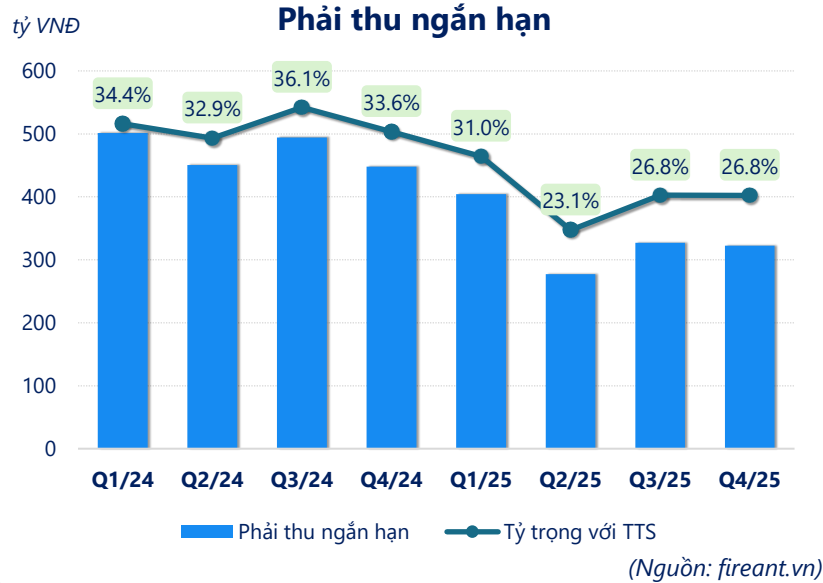
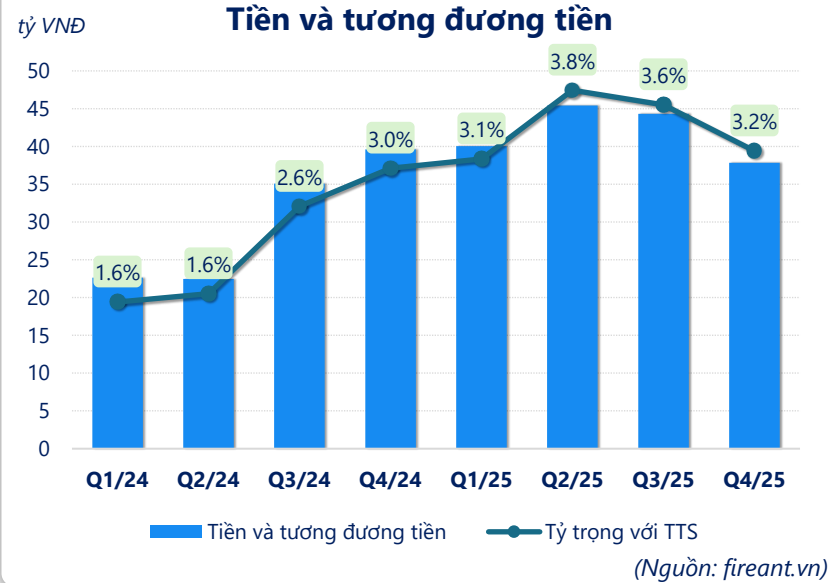
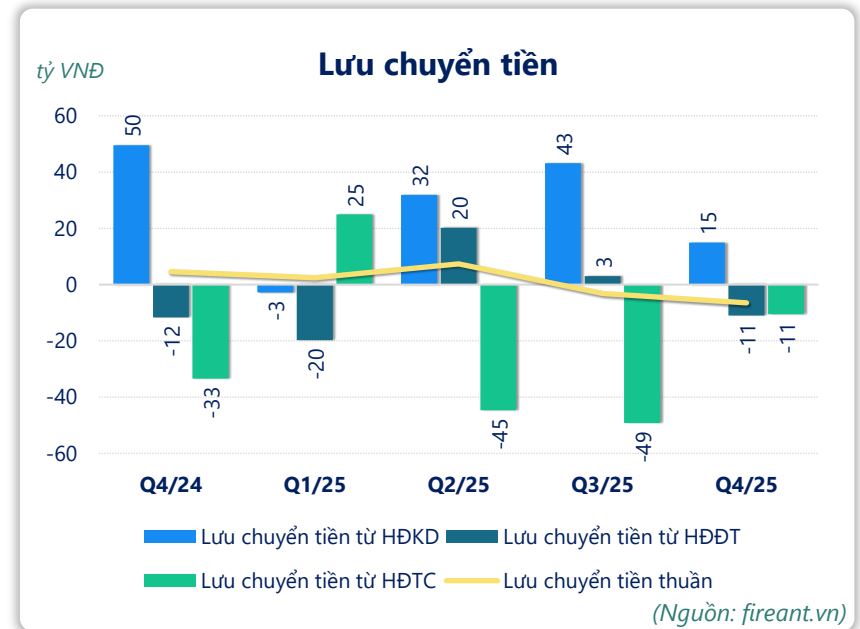
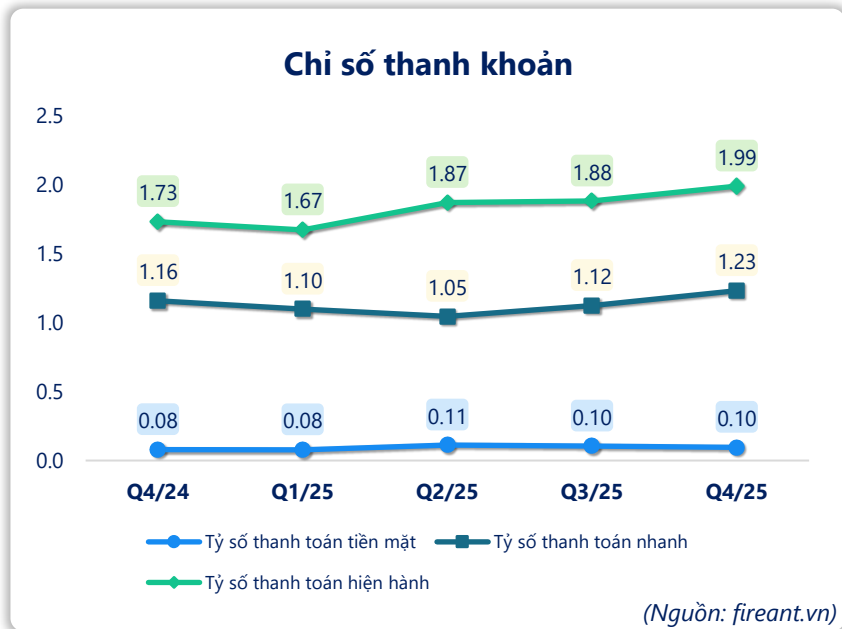
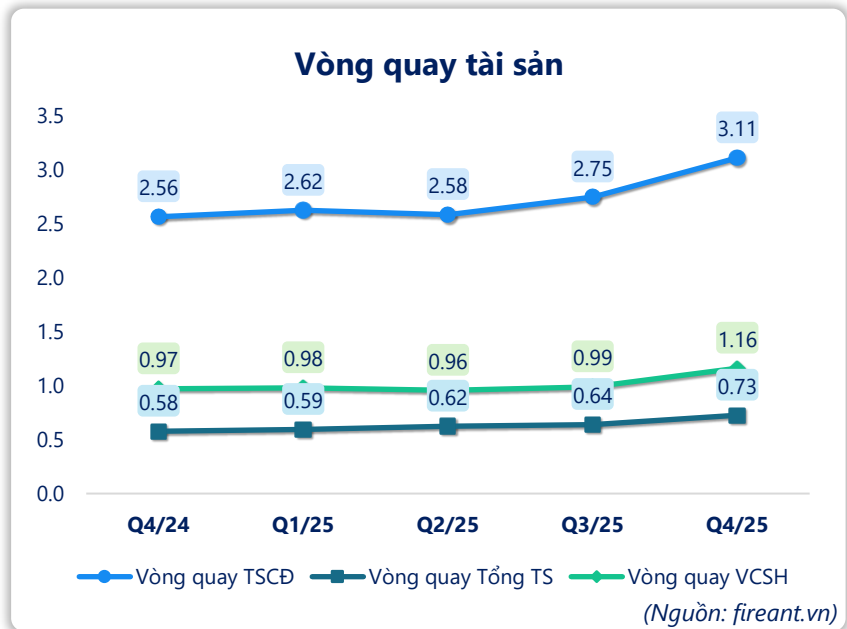
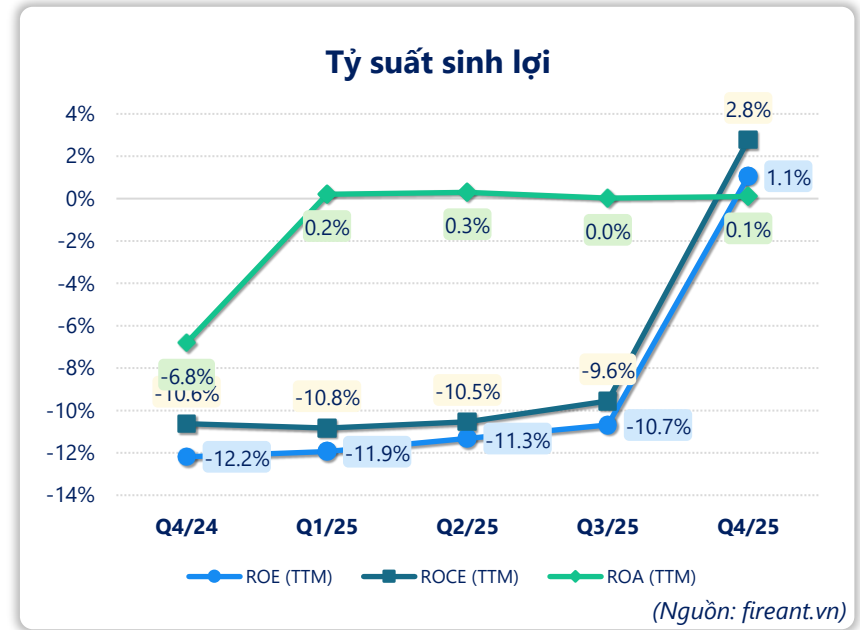
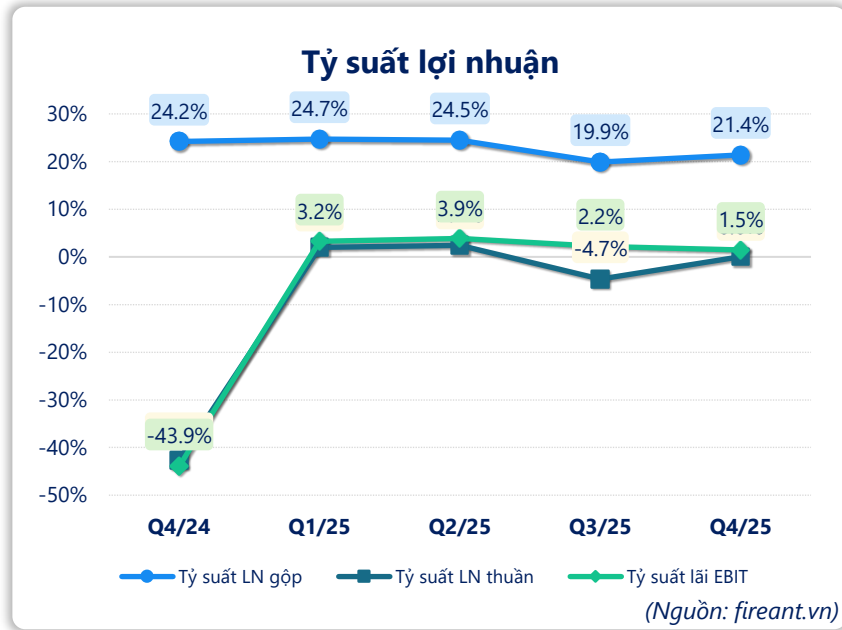
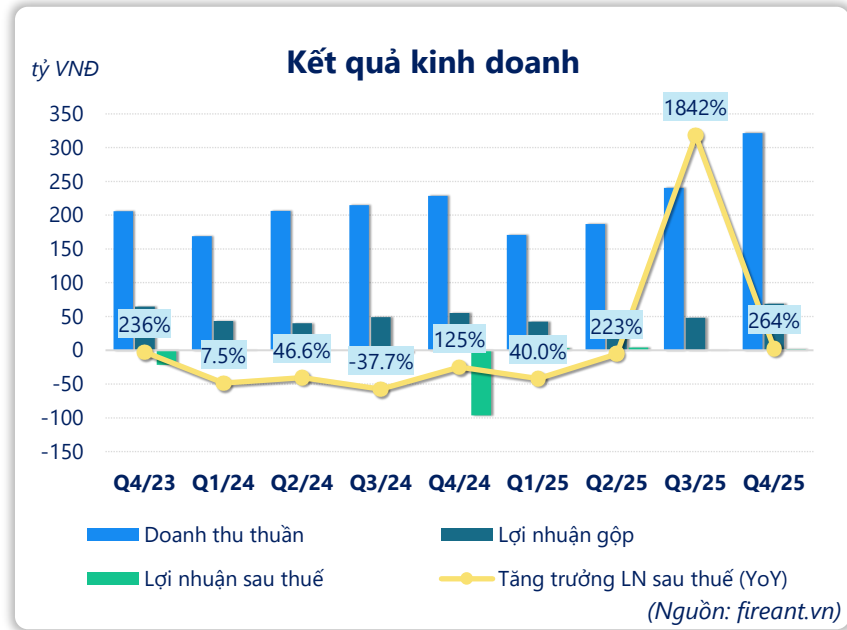


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,450
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,720
SL cổ phiếu LH		27,558,066
KLGD BQ 20 phiên (CP)		7,240
% sở hữu nước ngoài		0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		288
P/E		34.4
EPS		304

	YTD	1T	3T	6T
DQC	-16.1%	-2.3%	-8.3%	-9.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,201	1,210	-0.7%
Tài sản ngắn hạn	787	763	3.2%
Tiền và tương đương tiền	37.9	35.6	6.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	75.2	57.4	31.0%
Phải thu ngắn hạn	322	339	-5.0%
Hàng tồn kho	300	289	3.8%
Tài sản ngắn hạn khác	51.9	41.7	24.3%
Tài sản dài hạn	414	447	-7.4%
Phải thu dài hạn	4.17	1.35	209%
Tài sản cố định	285	307	-7.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.88	3.19	-9.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	120	131	-8.3%
Tài sản dài hạn khác	1.69	4.30	-60.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	401	431	-6.9%
Nợ ngắn hạn	396	425	-7.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	84.1	158	-46.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	91.8	100	-8.6%
Nợ dài hạn	5.88	5.88	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	3.85	3.85	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	799	779	2.7%
Vốn chủ sở hữu	794	774	2.7%
Vốn điều lệ	344	344	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	5.09	5.09	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	229	171	187	241	322
Giá vốn hàng bán	173	129	141	193	253
Lợi nhuận gộp	55.3	42.2	45.8	47.9	68.9
Doanh thu HĐTC	4.06	0.89	1.60	0.93	1.21
Chi phí TC	-3.78	2.16	2.59	13.7	12.6
Chi phí lãi vay	-4.71	2.13	2.26	2.08	1.44
LN trong công ty LKLD	-1.50	0.61	-0.19	1.34	0.60
Chi phí bán hàng	33.5	22.5	30.5	31.4	37.5
Chi phí QLDN	126	15.6	9.51	16.3	20.5
LN thuần từ HĐKD	-97.5	3.39	4.54	-11.2	0.07
Lợi nhuận khác	1.71	0.01	0.43	14.3	3.24
LN trước thuế	-95.8	3.40	4.97	3.12	3.31
Lợi nhuận sau thuế	-96.2	2.99	4.16	0.01	1.87
LNST của CĐ cty mẹ	-96.5	2.91	3.80	0.39	1.27

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	49.6	-2.74	31.8	43.1	15.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-11.6	-19.7	20.2	3.00	-10.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-33.4	25.0	-44.7	-49.2	-10.5
Tiền đầu kỳ	35.1	37.6	40.1	45.4	44.3
Lưu chuyển tiền thuần	4.54	2.48	7.37	-3.08	-6.48
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	39.6	40.1	45.4	44.3	37.9

(Nguồn: fireant.vn)